

Bản án số: 100/2022/HS-ST

Ngày: 28/6/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khuyên

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới

Ông Lê Như Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hằng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Anh T - sinh năm 1975 tại tỉnh TH; Nơi ĐKKHKT: Số 02C/97 ĐT1, phường ĐT2, thành phố TH, tỉnh TH; Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã HT, huyện HH, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H1; có vợ là Nguyễn Thị H2 và 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Lộc – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Lộc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 27 Bà Triệu, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá); Có mặt.

- Bị hại: Lê Thị H3 – sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số nhà 38, khu 3, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh TH; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018 Lê Anh T quen chị Lê Thị H3 qua mạng xã hội Zalo, mặc dù là lao động tự do nhưng T giới thiệu với chị H3 mình là thượng tá công tác ở đơn

vị tình báo thuộc Bộ Công an với mục đích để tăng giá trị bản thân. Trong thời gian này, do chơi chứng khoán trên mạng bị thua lỗ, cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định vay tiền của chị H3 để trả nợ, chi tiêu cá nhân và có tiền để tiếp tục chơi chứng khoán. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2020 Lê Anh T đã nói dối và đưa ra nhiều lý do không có thật như đi công tác tại NA gây tai nạn cần tiền để giải quyết vụ việc, mua đồ lắp vào xe ô tô, vay tiền đầu tư kinh doanh... để vay tiền của chị H3 nhiều lần. Do tin tưởng T là cán bộ công an nên chị H3 đã đồng ý cho T vay tiền nhiều lần mà không cần tài sản đảm bảo dưới hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản từ tài khoản của chị H3 vào tài khoản của T, lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân Hàng. Việc đưa, nhận tiền không viết giấy giao nhận nhưng sau đó giữa chị H3 và T đã hai lần chốt nợ với nhau bằng giấy cam kết vay tiền ngày 29/12/2019 với số tiền 470.500.000đ, hạn đến ngày 15/12 âm lịch trả và giấy mượn tiền ngày 07/10/2020 với số tiền 800.000.000đ hạn đến ngày 10/11/2020 trả. Tổng số tiền mà Lê Anh T đã nhận của chị H3 là 1.270.500.000đ. Khi đến hạn trả nợ, do không có tiền trả nên ngày 20/12/2020 Lê Anh T đi vào tỉnh BD nhưng không thông báo với ai, cắt liên lạc và không trả tiền cho chị H3.

Kết luận giám định số 3473/PC09 ngày 18/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận 02 giấy cam kết vay tiền và giấy mượn tiền đều là chữ ký, chữ viết của Lê Anh T.

Ngày 24/01/2022 Lê Anh T đã trả cho chị H3 500.000.000đ, hai bên thỏa thuận T còn nợ chị H3 700.000.000đ, và sẽ trả 70.000.000đ/năm cho đến khi hết nợ, chị H3 có đơn xin bãi nại cho Lê Anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Lê Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 12-13 năm tù.

Về dân sự: Ngày 24/01/2022 Lê Anh T đã trả cho chị H3 500.000.000đ, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc Lê Anh T phải trả cho chị H3 700.000.000đ.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của Luật sư: Không tranh luận với đại diện VKS về tội danh và điều luật. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã khắc phục được một phần thiệt hại cho bị hại, và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành người tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên, VKSND tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Anh T thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2020, xuất phát từ việc chơi chứng khoán thua lỗ nên Lê Anh T đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Lê Thị H3, đưa ra nhiều lý do không có thật để vay tiền chị H3 với tổng số tiền 1.270.500.000đ, khi đến hạn trả, T đã bỏ đi khỏi địa phương, cắt liên lạc, không trả tiền.

Hành vi đưa ra nhiều thông tin gian dối để vay tiền, sau đó đến hạn không trả, bỏ đi khỏi địa phương, thể hiện mục đích chiếm đoạt của Lê Anh T đối với số tiền 1.270.500.000đ của chị Lê Thị H3 là đặc biệt nghiêm trọng, lợi dụng sự tin tưởng của chủ sở hữu để xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được Hành vi dùng các thông tin gian dối để tạo lòng tin đối với bị hại để lấy tài sản dưới hình thức vay mượn, sau đó không trả là lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về Hành vi của mình.

Do đó, cáo trạng của VKSND tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án:

Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt có giá trị lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội. Do đó phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự mới đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa chung và giáo dục riêng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục cải tạo đối với bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo trước khi phạm tội là người tốt, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, do đó áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt, sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 48 BLHS; các Điều 584; 585; 586 BLDS và đề nghị của người bị hại. Theo thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, số tiền mà bị cáo Lê Anh T phải trả lại cho chị Lê Thị H3 là 1.200.000.000đ, công nhận bị cáo đã bồi thường được 500.000.000đ, còn lại 700.000.000đ. Ngày 24/01/2022 bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau mỗi năm bị cáo phải trả cho bị hại H3 70.000.000đ cho đến khi bồi thường xong. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và bị hại, không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 BLHS.

***Tuyên bố:** Bị cáo Lê Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

***Xử phạt:** Bị cáo Lê Anh T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 04/4/2022.

***Về bồi thường dân sự:** Căn cứ vào khoản 1, Điều 48 BLHS; các Điều 584; 585; 586 BLDS. Số tiền mà bị cáo Lê Anh T phải trả lại cho chị Lê Thị H3 là 1.200.000.000đ, công nhận bị cáo đã bồi thường được 500.000.000đ, còn lại 700.000.000đ. Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau bị cáo phải trả cho bị hại H3 70.000.000đ/năm cho đến khi bồi thường xong. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và bị hại, không vi phạm pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản

2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Về án phí:** Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Anh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 32.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

***Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P3);
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khuyên